

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2020/HNGĐ- ST
Ngày 30- 09 - 2020
V/v Ly hôn giữa chị T1- anh H1.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hữu Triều.

2. Bà Vũ Thị Thúy.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 30- 09- 2020, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 207/2020/TLST-HNGĐ ngày 29- 07- 2020 về việc Tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15- 09- 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T1, sinh năm 1982; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn V1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn N1, xã Q1, huyện N2, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt- Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn H1, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Thôn V1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt- Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09- 07- 2020 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị T1 trình bày: Chị và anh H1 tự nguyện đăng ký kết hôn; đã được Ủy ban nhân dân xã T 2 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 26- 01- 2011. Vợ chồng và con chung đều có hộ khẩu tại thôn V1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp. Do vợ chồng mâu thuẫn nên từ tháng 5- 2014, chị đưa con chung về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn N1, xã Q1, huyện N2, tỉnh Thanh Hóa làm ăn và sinh sống. Từ đó, vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu nhau, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Vợ chồng đã vi phạm

ngghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn anh H1; hiện nay chị không mang thai. Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Tuấn H2, sinh ngày 14- 11- 2011; hiện đang sống cùng chị. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng. Về tài sản chung : Vợ chồng không có tài sản chung , không có nợ chung, không có ai nợ chung vợ chồng nên chị không yêu cầu giải quyết. Chị đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 31- 08- 2020, bị đơn là anh H1 trình bày giống nguyên đơn về việc kết hôn, thời gian mâu thuẫn, về việc hiện nay vợ chồng không sống cùng nhau; không quan tâm, chăm sóc nhau nữa; về con chung; về việc không có tài sản chung. Anh đồng ý ly hôn; đồng ý giao con chung cho chị nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Anh cũng không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh.

Tại đơn đề ngày 31 tháng 07 năm 2020, con chung của anh chị là Nguyễn Tuấn H2 có nguyện vọng ở với mẹ.

Do nguyên đơn, bị đơn đều yêu cầu không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều yêu cầu không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự được. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị T1 và anh H1 là tự nguyện và hợp pháp. Khi mâu thuẫn, vợ chồng không có biện pháp hòa giải nên mâu thuẫn càng tăng, chị T1 đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị ở tỉnh Thanh Hóa làm ăn và sinh sống. Đã nhiều năm, vợ chồng không sống chung với nhau, hiện không còn thương yêu, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng chị T1 và anh H1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H1 cũng xác định tình cảm không còn nên anh đồng ý ly hôn. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị T1 ly hôn anh H1.

[3]. Về con chung: Vợ chồng chị T1 và anh H1 có một con chung là Nguyễn Tuấn H2, sinh ngày 14- 11- 2011; hiện đang sống cùng chị T1. Chị T1, anh H1 và con chung cùng có nguyện vọng con chung do chị T1 nuôi dưỡng nên cần áp dụng Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình xử giao con chung cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T1 không yêu cầu cấp dưỡng.

[4]. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là chị T1 phải chịu 300.000, đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T1 ly hôn anh Nguyễn Tuấn H1.

2. Về con chung:

-Xử giao con chung Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2011 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T1 không yêu cầu cấp dưỡng.

-Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị T1 phải nộp toàn bộ 300.000, đồng án phí ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000, đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002325 ngày 29- 07- 2020 của Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Chị T1 đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình;
- VKDND huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tông